

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÐ  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: **149/2020/QĐST-HNGĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*BÐ, ngày 24 tháng 9 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 154/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1992

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn X, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã TH, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước

Căn cứ vào khoản 5 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2020;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Trần Thị T, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Tấn X, sinh năm 1986; Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã TH, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Tấn X thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 31/12/2009 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh X không cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

*Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con*

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017395 ngày 14/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BĐ. Hoàn trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí còn dư là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền trên.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện BĐ;
- THADS huyện BĐ;
- UBND xã TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Kiều My**